

**Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án
luật tại kỳ họp Quốc hội : Luận văn ThS. Luật: 60
38 01/ Lê Thị Phương Lan ; Nghd. : PGS.TS. Phan
Trung Lý**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

MỞ ĐẦU	4
1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu Đề tài	4
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
3. Phạm vi nghiên cứu	7
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	7
5. Nội dung của Đề tài và các vấn đề cần giải quyết	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI	9
1.1. Chức năng lập pháp và quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp của Quốc hội	9
1.1.1. Chức năng lập pháp của Quốc hội	9
1.1.2. Quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp của Quốc hội	10
1.2. Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	11
1.2.1. Xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	12
1.2.2. Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	16
1.3. Kinh nghiệm của một số nước về quy trình, thủ tục xem xét thông qua dự án luật	24
1.3.1. Lần đọc thứ nhất và lần đọc thứ hai	24
1.3.2. Lần đọc thứ ba và thông qua	27
1.3.3. Thủ tục tiến hành các cuộc thảo luận tại Nghị viện	29
Chương 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY TRÌNH,	

THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI	32
2.1. Sơ lược về sự phát triển các quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	32
2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1992	32
2.1.2. Giai đoạn từ năm 1992 đến nay	35
2.2. Quy định của pháp luật hiện hành về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	40
2.2.1. Thuyết trình về dự án luật	42
2.2.2. Trình bày báo cáo thẩm tra	42
2.2.3. Thảo luận về dự án luật	43
2.2.4. Biểu quyết thông qua dự thảo luật	48
2.3. Thực trạng áp dụng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	50
2.3.1. Thuyết trình về dự án luật	51
2.3.2. Trình bày báo cáo thẩm tra	53
2.3.3. Thảo luận về dự án luật	54
2.3.4. Biểu quyết thông qua dự thảo luật	67
2.3.5. Một số nhận xét về thực trạng xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội.	69
Chương 3: GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI QUY TRÌNH, THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI	72
3.1. Sự cần thiết của việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	72
3.2. Nguyên tắc chỉ đạo trong việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	74
3.2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng	74
3.2.2. Phát huy dân chủ trong quá trình xem xét, thông qua dự án luật	75
3.2.3. Bảo đảm sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động lập pháp của Quốc hội	76
3.2.4. Bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa	77

3.2.5. Bảo đảm nguyên tắc khoa học, khách quan	77
3.3. Giải pháp tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội	78
3.3.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật	78
3.3.2. Đổi mới về tổ chức	87
3.3.3. Cải tiến một số công tác khác	89
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	95
PHỤ LỤC	100
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT CỦA QUỐC HỘI (<i>từ khi lập Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đến khi được thông qua</i>)	100
DANH MỤC LUẬT ĐƯỢC QUỐC HỘI BAN HÀNH	104

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu Đề tài

Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội Việt Nam là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Lập pháp là một trong những hoạt động quan trọng và đặc trưng nhất của Quốc hội kể từ khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đến nay. Trong hoạt động lập pháp thì việc xây dựng và ban hành luật là hoạt động luôn được Quốc hội quan tâm và chú trọng. Hoạt động xây dựng và ban hành luật của Quốc hội được tiến hành theo quy trình, thủ tục nhất định. Trong đó, quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội có tính quyết định, thể hiện kết quả của quá trình lập pháp, thể hiện rõ chức năng lập pháp và tính đại diện nhân dân của Quốc hội. Xuất phát từ những lý do trên tác giả chọn đề tài “*Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội*” làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học của tác giả.

Thời gian qua đã có nhiều bài viết, đề tài, luận án về vấn đề đổi mới công tác lập pháp của Quốc hội nói chung và đổi mới quy trình lập pháp của Quốc hội nói riêng. Các công trình khoa học nói trên đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến những vấn đề nghiên cứu của luận văn, tuy nhiên hoặc chỉ đi vào một khía cạnh nào đó của quy trình lập pháp hoặc đề cập một cách khái quát đến toàn bộ quy trình lập pháp, trong đó một số nội dung nghiên cứu đã không còn phù hợp với hiện hành và yêu cầu trong đổi mới hoạt động của Quốc hội.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận của quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội, đánh giá thực trạng việc thực hiện quy trình, thủ tục, nhận thức rõ những ưu điểm, hạn chế trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị để tiếp tục hoàn thiện quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội.

Tác giả mong muốn kết quả nghiên cứu của mình sẽ góp phần nhỏ bé

vào việc nâng cao hiệu quả công tác lập pháp của Quốc hội; đồng thời, có thể cung cấp thông tin tham khảo hữu ích cho những ai quan tâm đến hoạt động lập pháp của Quốc hội nói chung và quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội nói riêng.

3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội Việt Nam. Theo đó, tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản của quy trình, thủ tục này, từ khi dự án luật được trình Quốc hội tại kỳ họp đến khi được Quốc hội biểu quyết thông qua.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, các nguyên tắc của lý luận về nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng về Nhà nước, pháp luật trong thời kỳ đổi mới.

Luận văn sử dụng phương pháp lịch sử, phân tích, tập hợp, tổng hợp, so sánh, thống kê, xã hội học ...

5. Nội dung của Đề tài và các vấn đề cần giải quyết

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội gồm chức năng lập pháp, quy trình, thủ tục lập pháp; khái niệm, vai trò, ý nghĩa, đặc trưng, cơ sở xây dựng và áp dụng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội; quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật của Nghị viện một số nước.

- Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của các quy định của pháp luật, hệ thống các quy định của pháp luật hiện hành về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội; đánh giá thực trạng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật hiện hành, đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

- Hệ thống yêu cầu, nguyên tắc cơ bản của việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội; đưa ra kiến nghị cụ thể để tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội.

Kết cấu Đề tài gồm:

- Mở đầu;
- 3 Chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

Chương 2. Thực trạng thực hiện quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

Chương 3. Giải pháp tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

- Kết luận;
- Danh mục công trình của tác giả;
- Danh mục tài liệu tham khảo;
- Phụ lục.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI

1.1. Chức năng lập pháp và quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp của Quốc hội

1.1.1. Chức năng lập pháp của Quốc hội

Lập pháp là một trong những chức năng cơ bản của Quốc hội nước ta. Với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp.

Chức năng lập hiến và lập pháp của Quốc hội đã được quy định khá rõ nét trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992. Qua mỗi bản Hiến pháp, chức năng lập pháp của Quốc hội được kế thừa, phát triển và ngày càng được làm rõ hơn.

1.1.2. Quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp của Quốc hội

Văn bản luật được ban hành thông qua các bước liên tục, kế tiếp nhau: quyết định đưa dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, soạn thảo dự án luật, thẩm tra dự án luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự án luật, xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội, công bố luật. Mỗi bước có quy trình, thủ tục riêng và giữa các bước có mối quan hệ hữu cơ với nhau, nhưng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật thể hiện rõ nét vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp của Quốc hội.

1.2. Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

1.2.1. Xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

1.1.1.1. Khái niệm xem xét, thông qua dự án luật

Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “*xem xét*” được hiểu là “*tìm hiểu, quan sát kỹ để đánh giá, rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết*”, “*thông qua*” được hiểu là việc “*cơ quan hay người có thẩm quyền đồng ý chấp thuận cho được thực hiện, sau khi đã xem xét, thảo luận*”.

- *Đối tượng được xem xét, thông qua trong hoạt động xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội là dự thảo luật, tờ trình, các tài liệu khác.*

- *Phạm vi của hoạt động xem xét, thông qua dự án luật gồm tất cả các hoạt động từ thuyết trình Tờ trình về dự án luật, trình bày báo cáo thẩm tra, thảo luận về dự án luật tại kỳ họp, biểu quyết về những vấn đề cơ bản, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau, chỉnh lý dự thảo luật, báo cáo Quốc hội về việc chỉnh lý, biểu quyết thông qua dự thảo luật.*

- *Chủ thể xem xét, thông qua dự án luật :“Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp”.*

Có thể đưa ra khái niệm: Xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội, một bước trong quy trình lập pháp của Quốc hội bao gồm toàn bộ các hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo trình tự do luật định từ hoạt động thuyết trình dự án luật, trình bày báo cáo thẩm tra, thảo luận về dự án luật đến hoạt động biểu quyết của Quốc hội theo nguyên tắc đa số để đưa một dự thảo luật trở thành luật.

1.1.1.2. Đặc trưng của hoạt động xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

- *Thể hiện rõ nét nhất chức năng lập pháp của Quốc hội.*
- *Là khâu quan trọng trong quá trình thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam thành các quy phạm pháp luật.*
- *Thể hiện quyền lực nhân dân, tính dân chủ trong hoạt động của Quốc hội.*
- *Là hoạt động có tính chất quyết định đưa một dự thảo luật trở thành luật.*

1.2.2. Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội.

1.1.2.1. Khái niệm quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật

Theo Từ điển tiếng Việt thì “*quy trình*” được hiểu là “trình tự phải tuân theo để tiến hành một công việc nào đó”, “*trình tự*” được hiểu là “*sự sắp xếp lần lượt, thứ tự trước sau*”, cũng theo Đại từ điển tiếng Việt thì “*quy trình*” là “*các bước phải tuân theo khi tiến hành một công việc nào đó*”; “*thủ tục*” được hiểu là “*những việc cụ thể phải làm theo một trật tự quy định, để tiến*

hành một công việc nào đó”.

Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật bao gồm các bước:

- Thuyết trình dự án luật;
- Trình bày báo cáo thẩm tra;
- Thảo luận về dự án luật;
- Biểu quyết thông qua dự thảo luật.

Có thể định nghĩa: *Quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội là tổng thể những quy định về các công việc cần tiến hành được sắp xếp theo một trình tự nhất định mà theo đó Quốc hội và các chủ thể khác tham gia thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của mình tại kỳ họp Quốc hội phải tuân theo để đưa dự thảo luật trở thành luật.*

1.1.1.3. Vị trí, vai trò của quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật

- Góp phần quan trọng để các đạo luật được ban hành một cách cẩn trọng, kịp thời, hợp pháp, công bằng, dân chủ và công khai.
- Tạo nên sự ổn định, chủ động trong hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, là căn cứ để bảo đảm sự phân công công việc hợp lý trong hoạt động của Quốc hội.
- Là yếu tố quan trọng, then chốt mang tính quyết định bảo đảm chất lượng các dự án luật.

1.1.2.2. Đặc điểm của quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật

- Bao gồm tổng thể những quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.
- Có tính ổn định cao.
- Thể hiện rõ trách nhiệm của mỗi chủ thể và sự phân công, phối hợp giữa các chủ thể tham gia quy trình.
- Là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm hiệu quả của hoạt động xem xét, thông qua dự án luật.

1.1.2.3. Nguyên tắc chung trong việc xây dựng và áp dụng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

- Bảo đảm quyền thảo luận và biểu quyết của đại biểu.

- Bình đẳng, dân chủ, công bằng.
- Công khai.
- Quyết định theo đa số.

1.3. Kinh nghiệm của một số nước về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật

1.3.1. Lần đọc thứ nhất và lần đọc thứ hai

Lần đọc thứ nhất được tiến hành với mục đích đơn giản để chính thức đưa dự án luật ra xem xét. Sau lần đọc này, dự án luật chính thức được in ra và được công khai cho công chúng.

Trong lần đọc thứ hai, Nghị viện tranh luận về những nguyên tắc cơ bản trong nội dung của dự án luật mà không đi vào chi tiết câu chữ của dự án luật. Về nguyên tắc, kết quả của lần đọc này không được thay đổi trong lần đọc sau.

Kết thúc lần đọc thứ hai, Nghị viện có thể: chuyển dự án luật đến các Ủy ban của Nghị viện để thẩm tra sâu hơn hoặc bác bỏ dự án luật hoặc tạm hoãn dự án luật trong một thời gian nhất định.

1.3.2. Lần đọc thứ ba và thông qua

Tại lần đọc này, Nghị viện tiến hành thảo luận về những kiến nghị sửa đổi của Ủy ban và có thể tiến hành biểu quyết khi cần thiết. Trường hợp có vấn đề cần phải nghiên cứu kỹ hơn thì dự thảo luật lại được chuyển về Ủy ban để nghiên cứu sâu thêm. Tại lần này dự thảo luật được biểu quyết, thông qua.

Ở các nước theo mô hình một viện, sau khi thông qua, dự án luật được cơ quan hành pháp ban hành; ở các nước theo mô hình hai viện, dự án luật tiếp tục được chuyển sang viện thứ hai để xem xét với quy trình tương tự như khi xem xét tại viện thứ nhất.

Quy trình lập pháp trong trường hợp khẩn cấp

1.3.3. Thủ tục tiến hành các cuộc thảo luận tại Nghị viện

Thủ tục tiến hành các cuộc thảo luận tại Nghị viện có rất nhiều điểm phức tạp, vừa phải tuân thủ các quy định chi tiết trong Nội quy Nghị viện, vừa phải tiến hành theo những quy tắc mang tính truyền thống của Nghị viện mỗi nước.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY TRÌNH, THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI

2.1. Sơ lược về sự phát triển các quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1992

- *Giai đoạn 1945- 1959*: năm 1946, Quốc hội khoá I đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thiết lập chế độ dân chủ và hệ thống pháp luật của một quốc gia độc lập tự do, trong đó có một số quy định về quy trình lập pháp là cơ sở cho việc quy định cụ thể hơn về vấn đề này ở các giai đoạn sau.

- *Giai đoạn 1959-1980*: Năm 1959, Quốc hội ban hành Hiến pháp 1959. Do hoàn cảnh lịch sử nên hoạt động xây dựng luật thời kỳ này chưa tiến hành được nhiều. Quốc hội mới chỉ ban hành được một số luật quan trọng, cơ bản, còn chủ yếu là hoạt động lập quy do Chính phủ quy định.

- *Giai đoạn 1980-1992*: Hiến pháp năm 1980 được ban hành. Sau đó, Quốc hội ban hành Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhà nước năm 1981, Nội quy kỳ họp Quốc hội năm 1987 (được sửa đổi, bổ sung năm 1990) và lần đầu tiên Nhà nước ta có văn bản riêng quy định về quy trình lập pháp do Hội đồng Nhà nước ban hành năm 1988, đó là Quy chế xây dựng luật và pháp lệnh.

2.1.2. Giai đoạn từ năm 1992 đến nay

- *Giai đoạn 1992-1996*: Cùng với Hiến pháp 1992, các văn bản pháp luật vào thời kỳ này như Luật tổ chức Quốc hội năm 1992, các Quy chế hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, của Hội đồng dân tộc, của các Ủy ban của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội (năm 1993) và đặc biệt là trong Điều 20 của Nội quy kỳ họp Quốc hội (năm 1992) đã có những sửa đổi, bổ sung trực tiếp hoặc có liên quan trực tiếp đến quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp.

- *Giai đoạn 1996-2002*: Năm 1996, Quốc hội thông qua Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật tạo lập cơ sở pháp lý đồng bộ, thống

nhất phục vụ cho quá trình đổi mới quy trình lập pháp, lập quy, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- *Giai đoạn 2002-2008*: Năm 2002, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong lần này đã có một số sửa đổi, bổ sung cơ bản về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội.

Tuy nhiên, do năm 2002 chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều nên chưa mang tính toàn diện, Quốc hội khóa XII ban hành Luật ban hành văn bản quy phạm năm 2008 có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2009. Về cơ bản quy trình, thủ tục xem xét, thông qua luật tại kỳ họp Quốc hội vẫn giữ như quy trình đã được sửa đổi năm 2002 chỉ bổ sung một số quy định nhằm làm rõ hơn trách nhiệm của cơ quan chủ trì thẩm tra trong việc chuẩn bị dự kiến những vấn đề quan trọng, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau thuộc nội dung của dự án luật để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội biểu quyết làm cơ sở cho việc chính lý; xác định rõ hơn trách nhiệm của Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra trong việc chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức trình dự án, dự thảo và các cơ quan hữu quan trong việc tổ chức nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, bổ sung quy định về việc tổ chức rà soát, hoàn thiện về kỹ thuật văn bản. Đồng thời bổ sung quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong việc ban hành luật và phương thức một luật sửa nhiều luật.

2.2. Quy định của pháp luật hiện hành về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

Hiện nay quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội được quy định trong Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001), Luật tổ chức Quốc hội năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2007), Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Nội quy kỳ họp Quốc hội năm 2002, Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội năm 2004, Quy chế hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2004, Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2002.

Theo quy định của văn Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Hồ sơ dự án luật trình trong lần trình đầu tiên gồm có Tờ trình Quốc hội về dự án; dự thảo văn bản luật và một số văn bản cụ thể khác.

Một dự án luật được xem xét, thông qua tại một hoặc hai kỳ họp, với hình thức ban hành luật mới, sửa đổi, bổ sung luật hiện hành thì đều có trình tự và thủ tục cơ bản trong việc xem xét, thông qua dự án luật như sau:

2.2.1. Thuyết trình về dự án luật

Đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án thuyết trình về dự án.

2.2.2. Trình bày báo cáo thẩm tra

Sau khi cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật thuyết trình về dự án luật, đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình Quốc hội báo cáo thẩm tra dự án luật.

2.2.3. Thảo luận về dự án luật

Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về những nội dung cơ bản và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau của dự án luật. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, dự án luật có thể được thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội. Trong quá trình thảo luận, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án giải trình về những vấn đề liên quan đến dự án mà đại biểu Quốc hội nêu.

2.2.3.1. Thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội, thảo luận tại phiên họp toàn thể

- *Thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội* do Tổ trưởng Tổ đại biểu Quốc hội chủ tọa và được ghi thành biên bản.

- *Thảo luận tại phiên họp toàn thể* được tiến hành tại Hội trường dưới sự điều khiển của Chủ tọa phiên họp. Tại phiên họp toàn thể, đại biểu Quốc hội phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá hai lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu lần thứ nhất không quá mười lăm phút, thời gian phát biểu lần thứ hai về cùng một vấn đề không quá năm phút.

2.2.3.2. Biểu quyết về những vấn đề quan trọng của dự án và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau

Đối với những vấn đề quan trọng của dự án và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau thì Quốc hội tiến hành biểu quyết làm cơ sở cho việc chỉnh lý dự thảo luật.

2.2.3.3. Chính lý dự thảo luật theo ý kiến của đại biểu Quốc hội

Sau khi dự án luật được Quốc hội thảo luận, cho ý kiến, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo. Thường trực Ủy ban chủ trì thẩm tra phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, Ủy ban pháp luật, Bộ tư pháp và cơ quan, tổ chức hữu quan nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và xây dựng Báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.

Rà soát hoàn thiện về kỹ thuật văn bản: Chậm nhất là năm ngày trước ngày biểu quyết thông qua, dự thảo luật được gửi đến Thường trực Ủy ban pháp luật để rà soát, hoàn thiện về mặt kỹ thuật văn bản. Thường trực Ủy ban pháp luật chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án tổ chức việc rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án với hệ thống pháp luật.

2.2.3.4. Báo cáo Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật

Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật; trường hợp cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án có ý kiến khác với nội dung đã được chỉnh lý trong dự thảo thì ý kiến đó phải được nêu rõ trong báo cáo.

2.2.4. Biểu quyết thông qua dự thảo luật

Trong trường hợp vẫn còn những vấn đề có ý kiến khác nhau thì Quốc hội biểu quyết về những vấn đề đó theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi biểu quyết thông qua dự thảo luật. Dự thảo luật được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

2.3. Thực trạng áp dụng quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

Thực tế cho thấy trong hầu hết các kỳ họp Quốc hội, thời gian dành cho hoạt động lập pháp luôn cao hơn hoạt động giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Thông thường thời gian dành cho hoạt động lập pháp tại kỳ họp thứ nhất và kỳ họp cuối của nhiệm kỳ là ít hơn so với các kỳ họp khác.

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 bổ sung quy định cụ thể về Hồ sơ dự án luật trình Quốc hội, song trên thực tế tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5-2009), một số dự án Bản thuyết minh chi tiết về dự án và báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng qua hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án không có hoặc nếu có thì rất sơ sài.

Việc thực hiện quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội:

2.3.1. Thuyết trình dự án luật

Việc thuyết trình dự án luật được cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án thực hiện bằng cách đọc Tờ trình Quốc hội về dự án luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trong thực tế những năm qua vì nhiều lý do khác nhau, các đại biểu Quốc hội hầu như không sử dụng quyền trình dự án luật. Bên cạnh đó việc trình dự án luật của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội cũng còn rất hạn chế, chủ yếu dự án do Chính phủ trình. Trong nhiệm kỳ khóa X là 82,9%, nhiệm kỳ XI 87,8% luật được Quốc hội thông qua do Chính phủ trình. Trong các nhiệm kỳ X, XI, XII vừa qua chỉ có duy nhất 2 dự án do Ủy ban của Quốc hội soạn thảo và trình là dự án Luật giao dịch điện tử do Ủy ban khoa học và công nghệ và dự án Luật phòng chống bạo lực trong gia đình do Ủy ban các vấn đề xã hội trình.

2.3.2. Trình bày báo cáo thẩm tra

Việc thuyết trình báo cáo thẩm tra của Hội đồng dân tộc hoặc của các Ủy ban của Quốc hội trước Quốc hội thường do Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện, trong một số trường hợp đặc biệt, vì lý do khách quan có thể do Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện, trường hợp Ủy ban lâm thời thẩm tra thì do Chủ nhiệm Ủy ban lâm thời trình trước Quốc hội.

2.3.3. Thảo luận về dự án luật

Sau khi Quốc hội nghe thuyết trình dự án luật và báo cáo thẩm tra, đại biểu Quốc hội thảo luận về những nội dung cơ bản và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau của dự án luật. Trong thực tế có các hình thức thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội, thảo luận tại hai

Hội trường.

2.3.3.1. Thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội, thảo luận ở Đoàn đại biểu Quốc hội, thảo luận tại hai Hội trường và thảo luận tại phiên họp toàn thể

- Thảo luận ở Tổ đại biểu Quốc hội,

Chủ tọa cuộc thảo luận Tổ sẽ điều hành cuộc họp, hướng các ý kiến thảo luận đi vào những vấn đề lớn hoặc những nội dung còn có ý kiến khác nhau của dự án luật. Trước đây, Thư ký Đoàn đại biểu Quốc hội là người có trách nhiệm ghi biên bản các phiên họp Tổ sau đó gửi về Đoàn thư ký kỳ họp để tổ chức tập họp, tổng hợp làm cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý. Trong một số kỳ họp gần đây (kỳ họp thứ 4, thứ 5 của Quốc hội khóa XII), việc thảo luận tại tổ do cán bộ, chuyên viên, lãnh đạo cấp vụ của Văn phòng Quốc hội đảm nhiệm việc ghi biên bản.

- Thảo luận tại hai Hội trường

Đây là hình thức thử nghiệm trên thực tế được áp dụng tại kỳ họp thứ 8 và thứ 9 của Quốc hội khóa XI. Theo hình thức này, vào cùng một thời điểm, nhiều dự án luật trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu hoặc trình Quốc hội xem xét, thông qua tại một kỳ họp Quốc hội sẽ đồng thời được bố trí thảo luận tại hai hội trường khác nhau.

- Thảo luận tại phiên họp toàn thể

Trên thực tế, căn cứ vào lĩnh vực điều chỉnh của dự án luật, Chủ tịch Quốc hội phân công các Phó chủ tịch Quốc hội làm Chủ tọa phiên họp điều khiển việc thảo luận và thông qua các dự án luật tại kỳ họp Quốc hội. Thời gian thảo luận tại phiên toàn thể trước kia thường 1 ngày đối với dự án thông thường, hai ngày hoặc hơn đối với dự án có nội dung lớn, phức tạp, càng về sau thời gian thảo luận tại phiên họp toàn thể càng được rút ngắn, sang nhiệm kỳ XII hầu hết một dự án chỉ được thảo luận 1 buổi (1/2 ngày) trong một kỳ họp Quốc hội.

Trước kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa XI, đại biểu đăng ký phát biểu phải giơ bảng có ghi số của đại biểu. Đoàn thư ký kỳ họp ghi lại danh sách đại biểu đăng ký và gửi cho Chủ tọa để lần lượt chỉ định các đại biểu đã đăng ký phát biểu. Từ kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa XI, việc đăng ký thảo luận được thực hiện bằng việc bấm nút điện tử và hệ thống máy vi tính sẽ tự động đăng ký tên đại biểu lên màn hình vô tuyến tại Hội trường.

Trước kia, thời gian phát biểu của đại biểu thực hiện theo đúng quy định của Nội quy kỳ họp Quốc hội. Tuy nhiên, từ những kỳ họp cuối của khóa XI đến trước kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XII, thời gian phát biểu của đại biểu Quốc hội không quá 10 phút đối với lần thứ nhất và không quá 5 phút đối với lần phát biểu thứ hai (nếu có). Còn từ kỳ 4 của Quốc hội khóa XII thì thời gian phát biểu rút xuống còn không quá 7 phút.

Qua thảo luận tại phiên toàn thể nếu ý kiến đại biểu Quốc hội còn khác nhau, Đoàn thư ký chuẩn bị Phiếu xin ý kiến gửi các đại biểu Quốc hội cho ý kiến.

2.3.3.2. Biểu quyết những vấn đề quan trọng của dự án và những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau

Quy định này trong thực tiễn rất ít khi được áp dụng.

2.3.3.3. Chính lý dự thảo luật theo ý kiến của đại biểu Quốc hội

Thực tế cho thấy ngay sau khi được Quốc hội cho ý kiến, Ủy ban thường vụ Quốc hội khẩn trương chỉ đạo các cơ quan hữu quan bắt tay vào việc nghiên cứu tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội để chỉnh lý dự thảo luật. Tuy nhiên chỉ đạo trực tiếp việc tiếp thu chỉnh lý là Chủ tịch Hội đồng hoặc Chủ nhiệm Ủy ban đồng thời là Ủy viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong giai đoạn này Thường trực cơ quan thẩm tra có vai trò rất quan trọng

Bên cạnh việc nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý về nội dung văn bản, kỹ thuật văn bản là vấn đề đặc biệt được quan tâm.

Sau khi kết thúc việc chỉnh lý, Ủy ban thường vụ Quốc hội có Báo cáo trình Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật.

2.3.3.4. Báo cáo Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật.

Với dự án được xem xét, thông qua theo quy trình tại một kỳ họp, thuyết trình về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật được thực hiện trước khi biểu quyết thông qua dự thảo luật. Với dự án được xem xét, thông qua theo quy trình tại hai kỳ họp việc thuyết trình diễn ra tại kỳ họp thứ hai và trước khi biểu quyết thông qua.

2.3.4. Biểu quyết thông qua dự thảo luật

Từ khóa X trở về trước, các dự thảo luật đều được đọc toàn văn, còn

Quốc hội khóa XI chỉ nghe đọc toàn văn đối với các dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một vài điều. Theo quy trình hiện nay, không có việc đọc dự thảo luật mà chỉ có đọc báo cáo giải trình, tiếp thu rồi biểu quyết.

2.3.5. Một số nhận xét về thực trạng xem xét, thông qua luật tại kỳ họp Quốc hội.

Quy định hiện hành và việc thực hiện vẫn còn có nhiều bất cập cần phải đổi mới. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chưa thực hiện được việc biểu quyết những nội dung cơ bản của dự thảo luật trong lần thảo luận đầu tiên để làm cơ sở cho việc chỉnh lý;

Thứ hai, hình thức lấy Phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội mới được quy định trong Nội quy kỳ họp Quốc hội;

Thứ ba, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tọa phiên họp mới chỉ quy định rất chung trong Nội quy kỳ họp Quốc hội;

Thứ tư, quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp vẫn còn nhiều trùng lặp gây lãng phí;

Thứ năm, chưa phát huy hết vai trò của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội;

Thứ sáu, một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành còn mâu thuẫn;

Thứ bảy, việc gửi tài liệu đến đại biểu Quốc hội, hồ sơ dự án còn chưa đáp ứng quy định.

Chương 3

GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI QUY TRÌNH, THỦ TỤC XEM XÉT, THÔNG QUA DỰ ÁN LUẬT TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI

3.1. Sự cần thiết của việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

Thực tế cho thấy, mặc dù đã có bước phát triển mạnh mẽ song hệ thống pháp luật hiện hành của nước ta vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đời sống kinh tế - xã hội, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Đổi mới quy trình, thủ tục trong việc xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội nói riêng và quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp nói chung sẽ góp phần để Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ ban hành các văn bản pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Nguyên tắc chỉ đạo trong việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

3.2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng

Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo xã hội và Nhà nước.

Việc đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật phải được thực hiện trên cơ sở tiếp tục thể chế hoá chủ trương của Đảng về đổi mới quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật.

3.2.2. Phát huy dân chủ trong quá trình xem xét, thông qua dự án luật

Dự án luật phải được thảo luận một cách dân chủ, công khai. Đại biểu Quốc hội phải được tự do phát biểu ý kiến, trình bày những kiến nghị của cử tri về các dự án luật.

3.2.3. Bảo đảm sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động lập pháp của Quốc hội

Sự phân công rành mạch, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của từng cơ quan và cơ chế phối hợp chính là điều kiện cốt yếu để bảo đảm sự thống nhất quyền lực nhà nước.

3.2.4. Bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Luật sẽ không thể trở thành văn bản có giá trị pháp lý cao nếu được xây dựng, ban hành một cách tùy tiện, không theo những chuẩn mực, nguyên tắc nhất định.

3.2.5. Bảo đảm nguyên tắc khoa học, khách quan

Các bước trong quy trình, thủ tục xem xét thông qua dự án luật phải được thiết kế, sắp xếp hợp lý. Luật được thông qua phải phản ánh được nhu cầu, điều kiện khách quan của sự phát triển xã hội.

3.3. Giải pháp tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội

3.3.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật

- *Đổi mới thủ tục thuyết trình dự án luật tại phiên họp toàn thể của Quốc hội:* Không nên đọc toàn văn Tờ trình Quốc hội về dự án luật mà chỉ nên trình bày tóm tắt, tập trung vào những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

- *Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chủ tọa phiên họp*

Bổ sung vào Nội quy kỳ họp Quốc hội hoặc có văn bản pháp lý riêng quy định quyền của Chủ tọa phiên họp:

+ Yêu cầu đại biểu chỉ thảo luận về những nội dung còn có ý kiến khác nhau; không lập luận về những nội dung đã được phát biểu rõ tại Hội trường;

+ Lựa chọn trong danh sách đại biểu đã đăng ký phát biểu, chỉ định người phát biểu để nghe được các ý kiến của các đại biểu là chuyên gia về

vấn đề đó hoặc để phân bổ sự phát biểu một cách hài hòa giữa số lượng đại biểu ở các Đoàn đại biểu khác nhau;

+ Trình bày ý kiến về bất kỳ vấn đề nào đang thảo luận;

+ Yêu cầu chấm dứt thảo luận và đề nghị tiến hành việc biểu quyết về vấn đề đang thảo luận.

- *Đổi mới thủ tục thảo luận về dự án luật*

Có quy định cụ thể về phạm vi và hệ quả của việc thảo luận.

- *Đổi mới cách thức phát biểu của đại biểu Quốc hội*: Cần sắp xếp thời gian và cách thức phát biểu một cách hợp lý. Giảm thời gian nêu ý kiến, dành phần lớn thời gian để nêu những quan điểm mới, tranh luận, phân tích những vấn đề chưa sáng tỏ, đồng thời những ý kiến đã nêu trong thảo luận cần được biểu quyết.

- *Hoàn thiện quy định về việc biểu quyết các nội dung cơ bản của dự thảo luật*: Kết quả việc Quốc hội biểu quyết về những nội dung cơ bản của dự án luật cần phải được thể hiện bằng văn bản (có thể bằng một Nghị quyết của Quốc hội) để làm cơ sở cho việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật.

- *Quy định cụ thể hơn hình thức phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội*: Cần có quy định cụ thể về hình thức và tính pháp lý của Phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội, như một thủ tục được áp dụng trong quá trình xem xét, thông qua luật tại kỳ họp Quốc hội.

- *Hoàn thiện công tác chỉnh lý dự thảo luật*: Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có văn bản hướng dẫn, làm căn cứ pháp lý cho việc tổ chức hoàn thiện dự thảo luật sau khi đã được Quốc hội cho ý kiến.

Có cơ chế để giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội trong trường hợp cần thiết có thể mời các chuyên gia, nhà khoa học, đại biểu Quốc hội tham gia chỉnh lý dự thảo luật.

- *Phiên họp thông qua dự thảo luật*: Cần có quy định về thời hạn gửi tài liệu đến đại biểu Quốc hội bảo đảm thời gian cần thiết cho việc nghiên cứu của đại biểu Quốc hội. Đồng thời, cần thể hiện rõ trong dự thảo luật

việc sửa đổi, bổ sung bằng việc sử dụng kỹ thuật vi tính giúp đại biểu dễ dàng theo dõi những điểm đã được tiếp thu, chỉnh lý.

- *Rà soát kỹ thuật văn bản luật đã được Quốc hội biểu quyết thông qua:* Có cơ chế tăng cường hoạt động rà soát về kỹ thuật văn bản trước khi dự án luật được xem xét, thông qua để sau khi dự thảo luật đã được Quốc hội biểu quyết thông qua không còn có bước rà soát về kỹ thuật văn bản như hiện nay.

- *Tăng cường vai trò của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:* Tăng cường vai trò của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc cho ý kiến, chỉnh lý dự thảo Luật. Hoạt động của Hội đồng, Ủy ban phải bảo đảm nguyên tắc hoạt động tập thể và quyết định theo đa số.

- *Hoàn thiện quy định về việc xem xét, thông qua dự án luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:* Hạn chế về thời gian thảo luận, trong trường có ít ý kiến đại biểu Ủy ban thường vụ Quốc hội có thể giải trình ngay tại phiên họp và có thể biểu quyết thông qua dự án luật tại một phiên họp.

- *Rà soát quy định của các văn bản quy chế, nội quy, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính thống nhất.*

- *Đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật đặt trong việc đổi mới toàn diện quy trình, thủ tục trong hoạt động lập pháp của Quốc hội.*

3.3.2. Đổi mới về tổ chức

- *Tăng cường đại biểu Quốc hội chuyên trách cả về số lượng và chất lượng*

Tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách nói chung và đại biểu chuyên trách tại Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội nói riêng. Tùy theo nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung, lĩnh vực mà Hội đồng và các Ủy ban đảm nhiệm mà tăng số đại biểu chuyên trách.

Nâng cao trình độ của đại biểu Quốc hội. Kết hợp tốt tính đại diện và tính chuyên nghiệp trong hoạt động của đại biểu.

- *Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ máy giúp việc*

3.3.3. Cải tiến một số công tác khác

- Bảo đảm thời gian gửi dự án luật đến đại biểu Quốc hội.
- Tiến hành một cách khẩn trương, chính xác việc tập hợp, tổng hợp ý kiến thảo luận tổ của đại biểu và gửi bản tổng hợp đến đại biểu để không còn có sự phát biểu ý kiến trùng lặp khi thảo luận tại Hội trường.
- Chuẩn bị các mẫu in sẵn để thực hiện một số công việc phục vụ cho việc xem xét, cho ý kiến và xem xét, thông qua dự án luật nhằm bảo đảm công việc được tiến hành nhanh chóng và thuận tiện.
- Tăng cường năng lực thông tin cho đại biểu Quốc hội; xây dựng nhiều kênh thông tin khách quan, kịp thời, đầy đủ, chính xác.
- Nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ cho hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

KẾT LUẬN

Lập pháp là một trong những hoạt động cơ bản nhất của Quốc hội, nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành các quy định của Nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội trên các lĩnh vực. Trong hơn 60 năm qua, hoạt động lập pháp của Quốc hội đã không ngừng được tăng cường và đổi mới. Quốc hội đã thông qua bốn Hiến pháp, đã ban hành được 258 luật, bộ luật. Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật đã từng bước được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào “việc giữ vững” ổn định chính trị, đổi mới kinh tế và mọi mặt cuộc sống.

Xem xét, thông qua dự án luật tại kỳ họp Quốc hội là hoạt động mang tính dân chủ, bảo đảm cho dự án luật được thông qua thể hiện ý chí của nhân dân, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội cơ bản, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong xã hội. Hoạt động này góp phần quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội. Và để hoạt động xem xét, thông qua luật đạt được mục tiêu đó thì cần có một quy trình, thủ tục khoa học, hợp lý và khả thi. Việc nghiên cứu để tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp gắn liền với đổi mới hoạt động xem xét, thông qua luật và đổi mới quy trình, thủ tục xem xét, thông qua dự án luật có ý nghĩa thiết thực không chỉ nhận diện đầy đủ những khiếm khuyết của quy trình hiện hành mà còn đưa ra kiến nghị có tính khả thi để góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động xem xét, thông qua dự án luật và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới toàn diện đất nước.